

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC NHÀ NƯỚC VÀ SỰ VẬN DỤNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

TS. VŨ ANH TUẤN^(*)

Ngày nhận bài: 24/10/2022 Ngày thẩm định: 01/11/2022 Ngày duyệt đăng: 15/12/2022

Tóm tắt: Tăng cường kiểm soát quyền lực nhà nước là yêu cầu khách quan trong tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhằm bảo đảm quyền lực nhà nước thật sự thuộc về nhân dân, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của phân công và phối hợp trong việc thực hiện quyền lực nhà nước trong tình hình mới. Để đáp ứng yêu cầu đó, việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về kiểm soát quyền lực nhà nước có ý nghĩa rất quan trọng, thiết thực cả về lý luận và thực tiễn ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: kiểm soát; quyền lực nhà nước; tư tưởng Hồ Chí Minh

Tiến trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam được chỉ đạo bởi nguyên tắc: “quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”⁽¹⁾. Đại hội Đảng lần thứ XIII khẳng định yêu cầu cấp bách về tăng cường xây dựng và hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước, chống tệ chạy chức, chạy quyền, thân quen, lợi ích nhóm trong công tác cán bộ... Trong bối cảnh đó, nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về kiểm soát quyền lực nhà nước - một bộ phận quan trọng trong tư tưởng chính trị - pháp lý của Người - sẽ tiếp nhận được những chỉ dẫn sâu sắc, thiết thực trong nhận thức và tổ chức thực hiện chủ trương quan trọng nói trên.

1. Điều kiện tiên quyết là bảo đảm mọi quyền lực nhà nước phải “thật sự” thuộc về nhân dân

Bằng tư duy chính trị và trải nghiệm trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Hồ Chí Minh thấu hiểu một chân lý: quyền lực nhà nước là một phần của quyền lực xã hội, được nhân dân ủy thác cho nhà nước, cho nên, chỉ có nhân dân mới có quyền và có điều kiện tốt nhất để kiểm soát quyền lực đó. Vì vậy, sau khi cách mạng Tháng Tám thành công, tư tưởng cội rễ về thiết lập Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (tháng 8/1945) đã được thể hiện dưới hình thức hiến định tại Điều thứ nhất của Hiến pháp năm 1946: “Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo”⁽²⁾. Điều đáng lưu ý ở đây là sự khẳng định “tất cả quyền bính” (chứ không chỉ là quyền lực nhà nước) là của nhân dân với hàm nghĩa “dân là gốc” (dân vi bản). Ở khía cạnh khác, việc khẳng định đó

^(*)Học viện Chính trị khu vực III, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

không chỉ ghi nhận một nguyên tắc cơ bản của một chính quyền của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân theo tinh thần của một “khế ước xã hội” mà còn xác định một căn cứ và mục tiêu duy nhất của việc kiểm soát đối với quyền lực nhà nước, trực tiếp trả lời cho các câu hỏi quan trọng: Vì sao quyền lực nhà nước phải bị kiểm soát? Ai kiểm soát? Kiểm soát bằng cách nào? Vì thế, suốt cuộc đời mình, Hồ Chí Minh cùng với Đảng và Nhà nước không ngừng tìm kiếm câu trả lời đúng đắn nhất cho những câu hỏi đó trong quá trình xây dựng và hoàn thiện nhà nước dân chủ nhân dân ở Việt Nam. Không chỉ như vậy, với nhãn quan chính trị sâu sắc, Người đã nhận thấy không ít trường hợp, quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân chỉ mới tồn tại trên nguyên tắc, trong các quy định của pháp luật chứ chưa phải hoàn toàn trên thực tế. Đó cũng chính là lý do mà Người hay dùng tính từ “thật sự” khi nói (phải thật sự) phát huy dân chủ, bảo đảm quyền lực nhà nước (thật sự) thuộc về nhân dân. Hồ Chí Minh từng chỉ ra những biểu hiện thiếu dân chủ, dân chủ hình thức, bệnh quan liêu, hách dịch, tham nhũng trong bộ máy nhà nước như là những nguyên nhân làm suy giảm tính chất “thật sự” khi thực hiện nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Ngay sau khi Chính phủ lâm thời được thành lập (tháng 9/1945), Người đã thẳng thắn chỉ trích 06 căn bệnh mà Người gọi là “lâm lỗi nặng nề” của cán bộ chính quyền là: trái phép, cậy thế, hủ hóa, tư túng, chia rẽ và kiêu ngạo khiến cho một số chính quyền địa phương “không những không được dân yêu, còn bị dân khinh, dân ghét là khác nữa”⁽³⁾. Người cũng rất quan tâm đến quyền làm chủ thật sự của người dân trong việc lựa chọn người đại diện cho nhân dân trong bộ máy nhà nước, sao cho mỗi cuộc bầu cử phải thật sự “là một dịp cho toàn thể quốc dân tự do lựa chọn những người có tài, có đức, để gánh vác công việc nước nhà”⁽⁴⁾.

Từ tư tưởng của Người, có thể khẳng định rằng tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam thực chất là xác lập mô thức tổ chức quyền lực nhà nước sao cho

phải *thật sự* thuộc về nhân dân! Để đạt được mục tiêu lớn lao và thiết thực đó, trước tiên, phải tiếp tục hoàn thiện thể chế, thiết chế, nhất là các quy định của Hiến pháp và pháp luật về bầu cử để thực hiện dân chủ của nhân dân được thực chất và hiệu quả hơn. Đồng thời, tiếp tục tìm kiếm những giải pháp để kết hợp hiệu quả giữa cơ chế kiểm soát bên trong bộ máy nhà nước với yêu cầu tăng cường vai trò của cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước từ bên ngoài, nhất là của hệ thống cơ quan đại diện cho nhân dân (Quốc hội, Hội đồng nhân dân). Kế đó, kiện toàn tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, nhất là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trong việc tham gia kiểm soát quyền lực nhà nước bằng hoạt động giám sát và phản biện xã hội là đòi hỏi chính đáng và cấp bách trong tiến trình đó.

2. Pháp quyền phải được sử dụng triệt để và hiệu quả

Trong quan niệm của Hồ Chí Minh, pháp quyền không đơn giản chỉ là pháp luật mà rộng hơn, là đòi hỏi sự phục tùng quyền lực của pháp luật đối với mọi cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và công dân, là yêu cầu tối cao về việc phải bảo vệ các quyền con người, quyền công dân bằng pháp luật. Ngay từ năm 1919, Nguyễn Ái Quốc đã ý thức về vai trò quan trọng của pháp quyền trong cuộc đấu tranh với sự cai trị của thực dân Pháp ở Việt Nam. Trong bản “Yêu sách của nhân dân An Nam” Người cùng với những người Việt Nam yêu nước lúc bấy giờ đòi hỏi thực dân Pháp phải “Thay chế độ ra các sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật”⁽⁵⁾ rồi sau đó, yêu cầu này được diễn đạt lại trong “Việt Nam yêu cầu ca” rằng: “Bây xin hiến pháp ban hành, Trăm điều phải có thần linh pháp quyền”⁽⁶⁾ với ý nghĩa pháp quyền là linh thiêng, hồn cốt của một xã hội dân chủ, tiên bộ.

Khi lãnh đạo nhà nước cộng hòa dân chủ đầu tiên ở Việt Nam, Hồ Chí Minh đã chỉ ra bản chất và vai trò của pháp luật trong xã hội mới: “Phép luật là phép luật của nhân dân, dùng để ngăn cản những hành động có hại cho nhân dân, để bảo vệ lợi ích chung của đại đa số nhân

dân⁽⁷⁾. Lẽ đương nhiên, trong số những “hành động có hại cho nhân dân”, có hành vi “tha hóa” quyền lực như chuyên quyền, lạm quyền, lợi dụng quyền,... trong bộ máy nhà nước. Với Người, những hành vi lợi dụng quyền lực nhà nước của cán bộ, công chức cho dù dưới hình thức nào, cũng đều nguy hại cho lợi ích của đất nước nên cần bị xử lý nghiêm minh. Không phải ngẫu nhiên mà ngay từ những ngày đầu của chính quyền cách mạng non trẻ, Hồ Chí Minh đã ký ban hành Quốc lệnh ngày 26/01/1946, có 10 điều thưởng và 10 điều phạt, trong đó, hai hành vi phân quốc và tham ô đều bị xếp vào khung hình phạt tử hình. Để thực hiện mục tiêu kiểm soát quyền lực nhà nước theo tinh thần pháp quyền, trước hết, Người đặc biệt đề cao vai trò tối thượng của Hiến pháp bằng nguyên tắc: toàn dân phải phục quyết đối với Hiến pháp, làm cho Hiến pháp đích thực là sự thể hiện ý chí của toàn dân như là một “khế ước xã hội” trong thời kỳ mới. Sinh thời, Người rất quan tâm đến hoạt động xây dựng pháp luật của nhà nước, đã trực tiếp chỉ đạo xây dựng và thông qua 02 bản Hiến pháp (1946 và 1959), ký quyết định công bố các đạo luật và văn bản dưới luật, nhiều nhất là sắc lệnh. Theo đó, hệ thống pháp luật nước ta trong thời kỳ Người lãnh đạo đều thể hiện tinh thần và được tổ chức thực thi rất nghiêm theo các nguyên tắc: “phụng công, thủ pháp”, “pháp bất vị thân”, mọi công dân bình đẳng trước pháp luật cả công lẫn tội, xử phạt nghiêm minh các hành vi lợi dụng quyền hành được trao. Về áp dụng pháp luật, có thể thấy rõ sự tôn trọng của Người đối với nguyên tắc pháp quyền trong trừng trị các hành vi lợi dụng quyền lực nhà nước vì tư lợi hoặc động cơ cá nhân xấu xa khác qua các vụ án nổi tiếng như: Trần Du Châu, Chu Bá Phượng, Trương Việt Hùng trước đây. Hồ Chí Minh đã khẳng định thật rõ ràng, dứt khoát: “Pháp luật phải thẳng tay trừng trị những kẻ bất liêm, bất kỳ kẻ ấy ở địa vị nào, làm nghề nghiệp gì”⁽⁸⁾. Tất cả điều đó giải thích rất tường minh lý do lúc sinh thời, Người hết sức quan tâm xây dựng nền pháp quyền nước nhà như một yếu tố đi đôi với việc

củng cố chính quyền nhân nhân vững mạnh; vì sao nền pháp quyền ở nước ta lại phải trở thành công cụ không thể thay thế để kiểm soát quyền lực nhà nước.

Thực tế cho thấy pháp quyền chân chính chỉ có thể được tạo lập và thực thi trên cơ sở một hệ thống pháp luật hoàn thiện ở mức độ cao và những nguyên tắc bảo đảm cho pháp luật được áp dụng có hiệu lực, hiệu quả trong cuộc sống. Kiểm soát quyền lực nhà nước cần được giải quyết bằng nhiều phương cách, công cụ nhưng trong đó, pháp quyền vẫn là công cụ không thể thay thế. Bằng cách đó, mới có thể thực hiện được phương châm: đặt quyền lực vào chiếc lồng thép, như gần đây Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhắc lại nhiều lần và kiên quyết.

Theo đó, ưu tiên hàng đầu trong tiến trình xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay là tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật với tư cách không chỉ là phương tiện quản lý xã hội, để nhân dân làm chủ mà còn phải là công cụ hữu hiệu để kiểm soát quyền lực nhà nước. Cần nhanh chóng tổ chức thực hiện Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 mới được Quốc hội thông qua nhằm bảo đảm phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”⁽⁹⁾. Đồng thời, tiếp tục rà soát, khắc phục những “khoảng trống”, “kẽ hở” trong hệ thống pháp luật về thể chế và thiết chế kiểm soát quyền lực nhà nước, từ những quy định về kê khai tài sản của cán bộ, công chức cho tới các quy định về bầu cử, bổ nhiệm, từ chức, kỷ luật đối với những người nắm giữ và thực thi quyền lực nhà nước. Công việc hệ trọng này phải tiến hành đồng bộ, nhất quán trong tổng thể Chiến lược xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới theo tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII.

Tăng cường tính kịp thời, nghiêm minh, khả thi của hoạt động tổ chức thực hiện pháp luật về kiểm soát quyền lực nhà nước, nhất là trong lĩnh vực thanh tra, kiểm tra, phát hiện và xử

lý các hành vi lợi dụng quyền lực nhà nước vì lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm, xâm hại nghiêm trọng đến lợi ích nhà nước và xã hội, làm xói mòn lòng tin của nhân dân vào nguyên tắc “mọi quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân” trong thể chế chính trị Việt Nam.

3. Kết hợp nhiều phương thức kiểm soát quyền lực nhà nước

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, kiểm soát quyền lực nhà nước suy cho cùng, phải được thực hiện bằng việc kết hợp hiệu quả hai phương thức cơ bản: các cơ quan nhà nước kiểm soát lẫn nhau (kiểm soát bên trong) và nhân dân thực hiện quyền kiểm soát đối với bộ máy nhà nước (kiểm soát bên ngoài).

Trước hết, phương thức kiểm soát lẫn nhau giữa các cơ quan nhà nước rất được Người coi trọng vì đây chính là cách thức chế ước quyền lực nhà nước theo nguyên tắc phân công và kiểm soát trong nội bộ của bộ máy nhà nước. Ngay từ khi chỉ đạo xây dựng Hiến pháp năm 1946, Người đã áp dụng những nguyên lý cơ bản, tiên bộ của thuyết phân quyền trong việc tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước đối với các quyền: lập pháp, hành pháp và tư pháp. Điều 22 Hiến pháp năm 1946 quy định: “Nghị viện nhân dân là cơ quan có quyền cao nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”; Điều 43 quy định: “Cơ quan hành chính cao nhất của toàn quốc là Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”; Điều 63 quy định: “Cơ quan tư pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa gồm có: Tòa án Tối cao, các Tòa án Phúc thẩm, các Tòa án Đệ nhị cấp và sơ cấp”. Những quy định đó đã bảo đảm được một cách căn bản tính độc lập của quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp; khẳng định nguyên tắc: Quốc hội, Chính phủ và Tòa án đều là những cơ quan cao nhất nắm và thực thi một bộ phận của quyền lực nhà nước. Những quy định đó vừa thể hiện sự phân công hợp lý trong lao động quyền lực giữa các cơ quan nhà nước, vừa bảo đảm được sự chế ước, kiểm soát lẫn nhau giữa các cơ quan đó.

Đồng thời, Người sớm chủ trương thành lập hệ thống Ban Thanh tra trong bộ máy Nhà nước (tiền thân của Thanh tra Chính phủ sau này) và

bảo đảm cho tính độc lập trong hoạt động của các cơ quan này. Trong Sắc lệnh số 64/SL của Chủ tịch Chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ngày 23/11/1945 quy định về quyền hạn của Ban Thanh tra Đặc biệt trong việc “đình chức, bắt giam bất cứ nhân viên nào trong Ủy ban nhân dân hay Chính phủ đã phạm lỗi trước khi mang ra Hội đồng Chính phủ hay Tòa án đặc biệt xét xử” (Điều II) và “Sẽ thiết lập ngay tại Hà Nội một Tòa án Đặc biệt để xử những nhân viên của các Ủy ban nhân dân hay các cơ quan của Chính phủ do Ban Thanh tra truy tố” (Điều III)⁽¹⁰⁾. Theo Hồ Chí Minh, công tác thanh tra, kiểm tra đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong công tác phòng, chống bệnh quan liêu, nạn tham ô, lãng phí cũng như các vi phạm khác trong hoạt động quản lý của các cơ quan hành chính, trong thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức nhà nước.

Trong các hình thức nhân dân kiểm soát quyền lực nhà nước, Hồ Chí Minh rất chú trọng bảo đảm nguyên tắc bầu cử dân chủ, tiến bộ để nhân dân thực hành quyền lực tối cao của mình, đồng thời, là hình thức “tiền kiểm soát” các cơ quan nhà nước khi được nhân dân ủy thác quyền lực. Điều đó, lần đầu tiên được thực hiện trong cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khóa I (tháng 01/1946) và những lần tiếp theo.

Ngoài ra, nhân dân còn kiểm soát quyền lực nhà nước thông qua việc sử dụng “quyền bãi miễn” đại biểu mà mình đã bầu ra khi họ không làm tròn trách nhiệm được giao. Người khẳng định: “Nhân dân có quyền bãi miễn đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân nếu những đại biểu ấy tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân. Nguyên tắc ấy bảo đảm quyền kiểm soát của nhân dân đối với đại biểu của mình”⁽¹¹⁾. Bên cạnh đó, Người rất coi trọng hình thức nhân dân kiểm soát quyền lực nhà nước thông qua việc tham gia hay “phúc quyết” những vấn đề hệ trọng của đất nước (Điều 32 Hiến pháp năm 1946). Thực chất, đây là một hình thức dân chủ trực tiếp rất quan trọng, thể hiện việc kiểm soát trực tiếp của nhân dân đối với các quyết sách của nhà nước. Cùng với các

hình thức kiểm soát trên, Người còn rất chú trọng việc góp ý, “phê bình”, “bày tỏ ý kiến” hay khiếu nại, tố cáo,... của nhân dân đối với cán bộ như là những hình thức quan trọng để kiểm soát quyền lực nhà nước. Hồ Chí Minh đã chỉ rõ muốn lãnh đạo đúng: “Phải tổ chức sự kiểm soát, mà muốn kiểm soát đúng thì cũng phải có quần chúng giúp mới được”⁽¹²⁾.

Thực hiện chỉ dẫn của Người, ở Việt Nam hiện nay, phải tiếp tục đổi mới cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước theo hướng không nên tuyệt đối hóa một phương thức kiểm soát nào; cần kết hợp các phương thức đó linh hoạt và phù hợp với từng lĩnh vực, đối tượng, nội dung kiểm soát. Trước tiên, phải tiếp tục đổi mới để hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực trong nội bộ các cơ quan nhà nước theo nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Trong đó, cần nhanh chóng xác lập cơ chế chuyên trách về bảo vệ Hiến pháp, cụ thể hóa quyền can thiệp của Chủ tịch nước đối với lập pháp và hành pháp; tăng cường sự kiểm soát của hành pháp và tư pháp đối với lập pháp; tăng cường trách nhiệm giải trình công khai, minh bạch của người đứng đầu; nâng cao hiệu lực, hiệu quả phòng, chống tham nhũng, lãng phí; hoàn thiện quy trình xây dựng chính sách, pháp luật nhằm ngăn chặn sự lợi dụng vì lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm...

Thực tế cho thấy cả hai phương thức kiểm soát quyền lực nhà nước (bên trong và bên ngoài) đều có ưu điểm và hạn chế riêng. Vì vậy, tăng cường tính thiết thực của phương thức kiểm soát bên ngoài nhằm gắn kết chặt chẽ, hiệu quả với phương thức kiểm soát bên trong đối với quyền lực nhà nước theo hướng phát huy lợi thế của mỗi phương thức để khắc phục những hạn chế, bất cập của mỗi bên. Theo đó, cần tiếp tục đổi mới nhằm nâng cao hiệu quả phương thức giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp trong kiểm soát quyền lực nhà

nước. Đồng thời, cụ thể hóa, hướng dẫn và tổ chức thực hiện có hiệu quả pháp luật về phản biện, giám sát xã hội, trung cầu ý kiến nhân dân. Nhanh chóng xây dựng và ban hành Luật về giám sát xã hội và phản biện xã hội nhằm đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới của đất nước.

4. Tăng cường vai trò lãnh đạo, nêu gương và chịu trách nhiệm của Đảng

Phương pháp kiểm soát quyền lực nhà nước của Đảng là phương pháp có sự kết hợp giữa kiểm soát từ bên trong nhà nước và kiểm soát từ bên ngoài nhà nước. Phương pháp này trước hết được thể hiện ở việc thiết lập thể chế cầm quyền của Đảng theo đúng bản chất và nguyên tắc “Đảng ta là một Đảng cầm quyền”⁽¹³⁾ một cách hợp lý, đáp ứng được mục tiêu chính trị của Đảng là xây dựng một nhà nước mà quyền lực thật sự thuộc về nhân dân. Đảng cầm quyền tức là Đảng phải kiểm soát quyền lực nhà nước, bảo đảm cho quyền lực đó là quyền lực của nhân dân, phục vụ lợi ích của nhân dân. Đảng cầm quyền tức là Đảng phải chịu trách nhiệm trước nhân dân về các mặt hoạt động của nhà nước, coi sức mạnh của nhà nước là sức mạnh của Đảng. Theo Hồ Chí Minh, để thực hiện được điều đó, Đảng cần quan tâm lãnh đạo xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ đảng viên thật sự có năng lực về chuyên môn, về công tác lãnh đạo, quản lý; có phẩm chất đạo đức, uy tín cao để đảm trách các cương vị chủ chốt trong bộ máy nhà nước các cấp. Những đảng viên đang hoạt động trong bộ máy nhà nước đều phải tuân thủ nghiêm minh Điều lệ Đảng và các quy định của Đảng, chịu sự kiểm tra, giám sát của Đảng nhằm thực hiện tốt vai trò “là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”⁽¹⁴⁾. Việc Đảng kiểm tra, giám sát, làm trong sạch đội ngũ đảng viên đang giữ những vị trí chủ chốt trong bộ máy nhà nước tức là Đảng đã tự thực hiện sự kiểm soát của mình đối với quyền lực nhà nước. Nếu trong Đảng thực hiện nghiêm nguyên tắc tự phê bình và phê bình, ý thức tổ chức và kỷ luật cao thì việc kiểm soát của Đảng đối

với đảng viên là cán bộ, công chức, viên chức trong bộ máy nhà nước càng có hiệu lực, hiệu quả. Nhờ đó, Đảng cũng đã bảo vệ tính chính danh, uy tín chính trị của mình trước xã hội. Hồ Chí Minh đã từng phê bình nghiêm khắc các tệ lạm dụng quyền lực của các đảng viên với tư cách là những người có chức quyền trong bộ máy nhà nước là: "... Cậy thế mình là người của Đảng, phớt cả kỷ luật và cả cấp trên trong các đoàn thể nhân dân hoặc cơ quan Chính phủ"⁽¹⁵⁾. Người hiểu rất rõ rằng: trong điều kiện một Đảng duy nhất cầm quyền, công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng được Hồ Chí Minh ví như "ngọn đèn pha" của sự lãnh đạo. Người khẳng định: muốn chống bệnh quan liêu, bệnh bần giấy, muốn biết các nghị quyết có được thi hành không, thi hành có đúng không, muốn biết ai ra sức làm, ai làm qua chuyện, chỉ có một cách là "khéo" kiểm soát. "Kiểm soát khéo, bao nhiêu khuyết điểm lòi ra hết, hơn nữa kiểm tra khéo về sau khuyết điểm nhất định bớt đi"⁽¹⁶⁾.

Trong bối cảnh hiện nay, để thực hiện điều đó đòi hỏi Đảng cầm quyền phải nhanh chóng tự chỉnh đốn, đổi mới và thật sự nêu gương với tư cách vừa là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội, vừa là chủ thể kiểm tra, giám sát Nhà nước trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đồng thời, sự lãnh đạo của Đảng về kiểm soát quyền lực nhà nước cũng sẽ là đối tượng bị kiểm soát bởi các tổ chức đảng và đảng viên, của Nhà nước và toàn xã hội. Không phải ngẫu nhiên mà trong thời gian gần đây, Đảng đã ban hành nhiều nghị quyết, quy định, chỉ thị tập trung vào mục tiêu chỉnh đốn Đảng thông qua các quy định về phòng, chống các quan điểm, hành vi làm tha hóa quyền lực của Đảng, quyền lực nhà nước (điển hình là các Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 của khóa XI, XII, XIII, sửa đổi các quy định những điều đảng viên không được làm). Đặc biệt, Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã thể hiện tinh thần mới về nguyên tắc tổ chức và thực thi quyền lực nhà nước: "bảo đảm quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự

phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ và tăng cường kiểm soát quyền lực nhà nước"⁽¹⁷⁾.

Việc Đảng mở rộng phạm vi kiểm soát, tiếp tục đổi mới phương thức kiểm soát, khẳng định quyết tâm chính trị cao, kiên trì, cương quyết trong kiểm soát quyền lực nhà nước nói riêng, quyền lực chính trị nói chung đã tạo lập và bồi đắp thêm niềm tin của nhân dân vào sứ mệnh lãnh đạo đất nước của Đảng trong giai đoạn mới của cách mạng Việt Nam.

Tóm lại, tăng cường kiểm soát quyền lực nhà nước là yêu cầu khách quan, cấp bách của tiến trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo quan điểm của Đại hội Đảng lần thứ XIII. Trong bối cảnh đó, tư tưởng Hồ Chí Minh về kiểm soát quyền lực nhà nước thật sự có giá trị chỉ dẫn quý báu cả về lý luận và thực tiễn, không chỉ có ý nghĩa trên phương diện hoạch định và hoàn thiện hệ thống quan điểm, đường lối chính trị, pháp luật mà còn với yêu cầu nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hoạt động tổ chức thực thi trong lĩnh vực quan trọng và cấp thiết này □

⁽¹⁾ Hiến pháp năm 2013

⁽²⁾ Hiến pháp năm 1946

⁽³⁾ và ⁽⁴⁾ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.51 và 153

⁽⁵⁾ và ⁽⁶⁾ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.1, Sđd, tr.469 và 473

⁽⁷⁾ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.9, Sđd, tr.259

⁽⁸⁾ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.6, Sđd, tr.127

⁽⁹⁾ và ⁽¹⁷⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.249 và tr.175

⁽¹⁰⁾ <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Sac-lenh-64-thiet-lap-Ban-thanh-tra-dac-biet-35913.aspx>

⁽¹¹⁾ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.12, Sđd, tr.375

⁽¹²⁾ và ⁽¹⁶⁾ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.5, Sđd, tr.325 và 327

⁽¹³⁾ và ⁽¹⁴⁾ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.15, Sđd, tr. 622 và 622

⁽¹⁵⁾ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.7, Sđd, tr.33